

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2022/DSPT

Ngày 29 – 12 – 2022

*V/v Kiện đòi tài sản và tranh chấp
hợp đồng mua bán.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Tú, ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 169/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 325a/2022/QĐ - PT ngày 08/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 266/2022/QĐ- PT ngày 19/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Phi H; anh Trần Hoài P; chị Trần Thị Bích P1. Cùng trú tại: 02 B Hùng Vương, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Đình T. Địa chỉ: phòng 4.25 Tòa nhà The Prince Residence, 19-21 N, phường 12, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Châu Quý Q – Luật sư thuộc Công ty luật hợp danh HCM, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: phòng 4.25 Tòa nhà The Prince Residence, 19-21 N, phường 12, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị Thúy T1, sinh năm: 1983; Địa chỉ: 23 Nguyễn Hữu Thọ, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Phạm Thị Bích C, sinh năm 1987. Địa chỉ: 69 Nguyễn Đức Cảnh, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn M. Địa chỉ: 194 Lê Duẩn, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.
- Anh Trương Văn L (có yêu cầu độc lập).

Địa chỉ: 23 Nguyễn Hữu Thọ, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Phạm Thị Bích C.

Địa chỉ: 69 Nguyễn Đức Cảnh, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- Chi Cục thi hành án dân sự huyện E. Địa chỉ: 86 Lạc Long Quân, thị trấn E, H.E, tỉnh Đắk Lắk – Đại diện theo pháp luật vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Mỹ T2. Địa chỉ: Thôn 3, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.
- Anh Phạm Đức T3. Địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Bá M1. Địa chỉ: Thôn 8, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị B. Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Địa chỉ: 119 Trần Duy Hưng, phường T, quận C, Tp.Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần K – Giám đốc Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk. Địa chỉ: 29 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Châu Đình T – là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đồng nguyên đơn trình bày:** Vào năm 2012 ông Lê Phi H, Trần Hoài P và bà Trần Thị Bích P1 cùng góp tiền để mua chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu Thaco loại huynhdai, xe khách 40 chỗ giường nằm số máy: D6CBB222691, số khung: 42SBKCC091729, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 47B – 003.77, theo giấy chứng nhận xe ô tô số 013762 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/2/2012 mục đích để kinh doanh vận tải xe khách bến xe E đi bến xe miền đông theo đơn xin gia nhập Hợp tác xã ngày 01 tháng 01 năm 2012 của bà Nguyễn Thị B. Do điều kiện công việc nên ông H, ông P và bà P1 đã nhờ bà Trần Thị Thúy T1 là người thân trong nhà của nguyên đơn đứng tên giùm trên giấy tờ xe.

Sau khi mua xe ông H, ông P và bà P1 đã chuẩn bị các hợp đồng và nhờ bà T1 ký tên để đưa xe vào hợp tác xã Vận tải hàng hóa và hành khách C, khai thác dưới hình thức góp vốn bằng cam kết kinh tế giữa xã viên và hợp tác xã ngày 29/02/2012. Đến ngày 02/3/2012 bà Nguyễn Thị B đã ủy quyền cho ông Trần Hoài P khai thác tuyến từ bến xe E đến bến xe miền đông đối với chiếc xe khách biển

kiểm soát 47B – 003.77. Đến năm 2015 hợp tác xã vận tải hàng hóa và hành khách C đã kết nạp thành viên, ông Trần Hoài P là người đã chuẩn bị hợp đồng dịch vụ vận tải và nhờ bà T1 là người ký để tiếp tục đưa xe vào Hợp tác xã vận tải hàng hóa và hành khách C khai thác dưới hình thức góp vốn.

Đến đầu năm 2020, bà Trần Thị Thúy T1 làm ăn có dấu hiệu bất thường bên cạnh đó còn nợ nần một số cá nhân, sau đó ông H, ông P, bà P1 đã gặp trực tiếp bà T1 và yêu cầu bà T1 thực hiện các thủ tục sang tên lại cho ông H. Ngày 21/01/2020 bà T1 đã ký giấy bán, cho tặng xe cho ông Lê Phi H có sự xác nhận của Hợp tác xã vận tải hàng hóa và hành khách C về việc sang nhượng cổ phần chiếc xe trên cho ông Lê Phi H. Sau khi ký giấy bán, cho, tặng xe do chưa được công chứng nên ông Lê Phi H không thể sang tên tên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

Nay tôi yêu cầu bà Trần Thị Thúy T1 cùng ông Trương Văn L có nghĩa vụ phải tiếp tục hoàn thiện thủ tục giấy tờ để sang tên quyền sở hữu và trả lại chiếc xe ô tô trên cho ông Lê Phi H, ông Trần Hoài P và bà Trần Thị Bích P1 với lý do sau:

- Đối với chiếc xe trên ông H, ông P và bà P1 mua là để kinh doanh vận tải, bà T1 không chứng minh được mục đích mua xe.

- Bà T1 không biết đối với nội dung các giấy tờ, tài liệu đã ký liên quan đến việc góp vốn vào Hợp tác xã và luôn ở trong trạng thái bị động,

- Việc khai thác, sử dụng, thực hiện nghĩa vụ và hưởng lợi từ chiếc xe bà T1 đều không biết và không tham gia.

- Bà T1 chưa từng sử dụng, khai thác hoặc kinh doanh đối với chiếc xe, không nhận được lợi ích kinh tế nào trong việc khai thác, kinh doanh xe từ năm 2012 đến năm 2020.

- Lời khai của bà T1 là bất nhất, mâu thuẫn với người làm chứng, sai thực tế.

- Cần xác định lại bản chất của việc ký giấy bán, cho, tặng xe ngày 21/01/2020 mục đích thực tế là hoàn trả lại tài sản do chị Triều đứng tên giữ, không phải hình thức hợp đồng mua bán.

- Hiện nay việc bà T1 đang chiếm hữu chiếc xe là xuất phát từ quyết định thi hành án và hành vi chiếm đoạt của bà T1 với lý do tài sản dùng để thi hành án chứ không phải chủ động thực hiện quyền chiếm hữu hợp pháp của chủ sở hữu.

Từ những lý do trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Lê Phi H, ông Trần Hoài P, bà Trần Thị Bích P1 buộc bà Trần Thị Thúy T1 và ông Trương Văn L phải có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục liên quan tại Văn phòng công chứng hoặc UBND cấp xã để sang tên lại chiếc xe cho ông Lê Phi H, ông Trần Hoài P và bà Trần Thị Bích P1 để đảm bảo sự thật khách quan vụ án.

*** Đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn Ông Châu Đình T trình bày:**

Tôi đồng ý với phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của nguyên đơn. tôi yêu cầu bà Trần Thị Thúy T1 tiếp tục hoàn thiện thủ tục giấy tờ sang nhượng chuyển quyền sở hữu đối với chiếc xe trên cho ông Lê Phi H và bổ sung một số ý kiến.

Vào năm 2020 đồng nguyên đơn đã yêu cầu bà Trần Thị Thúy T1 ký các thủ tục và giấy sang nhượng nhằm thực hiện thủ tục sang tên. Ngày 21/01/2020 bà T1 ký giấy bán xe cho ông Lê Phi H với mục đích là để trả lại xe cho ông H, ông P và bà P1 thực tế không có sự việc mua bán xe. Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Thaco loại huynhdai biển số 47B – 00377, xe khách 40 chỗ giường nằm kể từ ngày 03/7/2020 bà T1 dẫn người đến để chiếm đoạt chiếc xe ô tô trên và hiện nay chiếc xe ô tô trên vẫn do bà T1 đang quản lý sử dụng. Khi bà T1 thực hiện hành vi chiếm đoạt thì có nhiều người chứng kiến và có cả tài xế lái xe do bà T1 thuê.

Đối với giấy bán, cho, tặng xe ngày 21/01/2020 tôi xác nhận là đúng chữ ký của bà Trần Thị Thúy T1 đồng thời bà T1 cũng thừa nhận; còn chữ viết nội dung trong giấy bán, cho, tặng xe bà T1 nói không phải của bà T1 tôi xác nhận đúng như bà T1 trình bày. Chiếc ô tô biển số 47B – 00377, xe khách 40 chỗ giường nằm thực tế là xe của ông H, ông P, bà P1 vào năm 2012 do không thể đứng tên nên ông H, ông P, bà P1 nhờ bà T1 đứng tên chiếc xe trên, khi mua xe bà T1 là người ký trực tiếp các thủ tục mua xe, ông H, ông P và bà P1 là người trực tiếp đi theo và trả tiền mua xe, cụ thể số tiền mua xe là 3.000.000.000 đồng và trả tiền trực tiếp một lần tại showrom xe ô tô, còn đối với địa điểm mua xe do thời gian đã lâu nên ông H, ông P và bà P1 không nhớ địa điểm cụ thể mua chiếc xe còn hợp đồng mua bán xe do bà T1 là người ký thủ tục mua xe nên ông H, ông P và bà P1 không giữ hợp đồng mua bán xe.

Đối với giấy bán, cho, tặng xe ngày 21/01/2020 do bà T1 xác nhận chỉ là giấy tờ xác nhận quyền sở hữu chiếc xe trên là của ông H, ông P, **chị** Phượng nên trong giấy tờ không thể hiện giá trị chiếc xe. Sau khi mua chiếc xe nói trên do ông H, ông P và bà P1 khai thác và sử dụng từ năm 2012 (*ngay sau khi mua xe*). Nay tôi yêu cầu bà Trần Thị Thúy T1 và ông Trương Văn L tiếp tục hoàn thiện thủ tục giấy tờ sang nhượng chuyển quyền sở hữu đối với chiếc xe trên cho ông Lê Phi H, bà Trần Thị Bích P1 và ông Trần Hoài P.

*** Quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn bà Trần Thị Thúy T1 trình bày:**
Tôi Trần Thị Thúy T1 là chủ sở hữu đối với chiếc xe ô tô biển số 47B – 00377 theo giấy chứng nhận xe ô tô số 013762 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/02/2012. Do đó, việc ông H, ông P và bà P1 cho rằng chiếc xe này tôi đứng tên giùm là không đúng và yêu cầu tôi và ông L tiến hành làm các thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu đối với chiếc xe trên là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với chiếc xe này các bên xác nhận là có thỏa thuận bán cho ông Lê Phi H ngoài bán xe cho ông Lê Phi H thì tôi không bán cho bất kỳ ai như theo đơn khởi kiện là bán cho cả ông Trần Hoài P và bà Trần Thị Bích P1. Khi thỏa thuận mua bán xe chúng tôi có thỏa thuận giá trị chiếc xe là từ khoảng 800.000.000 đồng đến 900.000.000 đồng. Sau khi ký giấy mua bán, cho tặng xe với ông H, tôi xác nhận chưa nhận được khoản tiền nào từ anh Hùng hoặc bất kỳ ai khác và do chưa nhận được tiền nên tôi chưa lập thủ tục sang tên cho ông H. Đối với chiếc ô tô biển số 47B – 00377, xe khách 40 giường hiện nay vẫn do tôi quản lý và sử dụng nhưng tạm ngưng hoạt động vì đang có tranh chấp và liên quan đến nghĩa vụ thi hành án của tôi.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho ông Trương Văn L trình bày:**

Ông Trương Văn L và bà Trần Thị Thúy T1 là chủ sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe ô tô biển số 47B – 00377 theo giấy chứng nhận xe ô tô số 013762 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/02/2012. Nguồn gốc vợ chồng ông L và bà T1 có được chiếc xe này là do vay Ngân hàng để mua một phần, một phần do ông L và bà T1 trả tiền trực tiếp, không như phần trình bày của đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chiếc xe này do ông H, ông P và bà P1 đưa tiền để mua. Đối với hợp đồng mua bán xe do thời gian đã lâu nên không còn lưu giữ hợp đồng mua bán xe, còn đối với địa điểm mua xe là tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, tuy nhiên do thời gian lâu nên bà T1 không nhớ tên và địa điểm cụ thể mua xe.

Đối với giấy bán, cho tặng xe được xác lập vào ngày 21/01/2020 giữa ông Lê Phi H và bà Trần Thị Thúy T1 thì ông L không biết và cũng không ký bất kỳ giấy tờ nào có liên quan đến việc mua bán chiếc xe nói trên, việc bà T1 tự ký hợp đồng mua bán xe với ông H mà không có sự đồng ý của ông L là xâm phạm đến lợi quyền và lợi ích của ông L. Mặt khác, sau khi giấy mua bán xe thì bà T1 và ông L cũng chưa nhận được khoản tiền nào từ ông H hoặc bất kỳ ai khác và cũng không có thỏa thuận nào khác liên quan đến giá trị cụ thể chiếc xe. Đối với chiếc ô tô biển số 47B – 00377, xe khách 40 giường hiện nay vẫn do bà T1 quản lý và sử dụng nhưng tạm ngưng hoạt động vì đang có tranh chấp và liên quan đến nghĩa vụ thi hành án.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Lê Phi H, ông Trần Hoài P, chị Trần Thị Bích P1 yêu cầu bà Trần Thị Thúy T1 và ông Trương Văn L tiếp tục thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu chiếc xe ô tô trên là không có căn cứ để chấp nhận, đồng thời yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trương Văn L là hủy giấy bán, cho tặng xe được xác lập vào ngày 21/01/2020 giữa ông Lê Phi H và bà Trần Thị Thúy T1.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn M trình bày:**

Tôi thừa nhận có xác nhận vào giấy bán, cho, tặng xe của ông H và bà T1, nhưng tôi chỉ xác nhận bà T1 là thành viên của Hợp tác xã vận tải hàng hóa và hành khách C và sang nhượng chiếc xe trên cho anh Lê Phi H. Đối với chiếc xe ô tô khách biển kiểm soát số 47B-00377, xe khách loại 40 giường là của hộ gia đình bà Nguyễn Thị B góp vốn vào Hợp tác xã hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định và chiếc xe trên mang tên người sở hữu là bà Nguyễn Thị Thúy T1

*** Người làm chứng ông Nguyễn Mỹ T2 trình bày:** Từ năm 2013 tôi được anh Lê Phi H, Trần Hoài P, Trần Thị Bích P1 thuê làm phụ xe cho xe 47B.00358, lúc thuê không có ký hợp đồng lao động chỉ trao đổi công việc bằng miệng. Nhiệm vụ của tôi là xếp hàng hóa, liên hệ với khách hàng. Mức lương của tôi thanh toán theo chuyến hàng do anh H và anh P trả tiền. Đến năm 2020 thì tôi không làm phụ xe cho xe 47B.00358 mà tôi chuyển sang phụ xe 47B. 01868 cũng do anh P, anh H, chị P1 làm chủ, cũng nhận lương từ 3 anh chị đó. Hiện nay tôi vẫn còn làm cho anh P, anh H và chị P1.

*** Người làm chứng ông Phạm Đức T3 trình bày:** Tôi là tài xế nhà xe B(là nhà xe P) chạy xe Biển số 47B.00377. Tôi được thuê lái xe từ khoản đầu năm 2013 đến năm 2016 là tôi chạy xe khác. Trong lúc chạy xe nhà xe B thì tôi được ông P và anh Hùng thuê và trực tiếp trả tiền theo chuyến với mức chuyến là 700.000 đồng một chuyến. Khi làm tài xế thì tôi không có ký hợp đồng lao động. Tôi xác nhận đối với xe 00377 là anh P và anh H quản lý, điều hành. Người sở hữu chiếc xe tôi không nắm rõ.

*** Người làm chứng ông Nguyễn Bá M1 trình bày:** Từ năm 2013 tôi được ông Lê Phi H, Trần Hoài P, Trần Thị Bích P1 thuê làm phụ xe cho xe 47B.003.77. Nhiệm vụ của tôi đi làm và mang tiền về cho ông Lê Phi H, Trần Hoài P. Tiền lương của tôi được ông Lê Phi H, ông Trần Hoài P trả lương. Khi thuê thì không làm hợp đồng lao động mà chỉ trao đổi bằng miệng. Đến năm 2017 tôi nghỉ việc không làm phụ xe nữa. Tôi không biết bà Trần Thị Thúy T1 là ai.

*** Người làm chứng bà Nguyễn Thị B trình bày:** Bà Trần Thị Thúy T1 là con gái ruột của tôi, đối với xe ô tô khách nhãn hiệu Thaco, loại huynhdai biển số 47B-00377, xe khách loại 40 chỗ giường nằm theo giấy chứng nhận xe ô tô số 013762 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/02/2012 do bà Trần Thị Thúy T1 đứng tên trong giấy chứng nhận xe. Tuy nhiên xe có nguồn gốc là của con rể và các con tôi là anh Lê Phi H, Trần Hoài P và bà Trần Thị Bích P1 là anh chị em của bà T1 góp tiền để mua sử dụng cho mục đích kinh doanh vận tải hành khách. Sau khi mua chiếc xe trên anh Phong, chị Phượng và anh Hùng là người trực tiếp khai thác và sử dụng chiếc xe trên, đến năm 2012 tôi làm đơn xin gia nhập hợp tác xã vận tải C để mục đích khai thác chuyến xe chạy, đến ngày 02/3/2012 tôi làm giấy ủy quyền cho anh Trần Hoài P và anh Lê Phi H để đưa hai

xe ô tô vào khai thác chạy tuyến cố định trong đó có xe ô tô khách biển kiểm soát số 47B-00377.

Nay tôi khẳng định xe ô tô khách nhãn hiệu Thaco, loại huynhdai biển số 47B-00377, xe khách loại 40 chỗ giường nằm theo giấy chứng nhận xe ô tô số 013762 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/02/2012 là tài sản góp tiền mua chung của anh Lê Phi H, Trần Hoài P và Trần Thị Bích P1, chị Triều chỉ là người đứng tên hộ, còn đối với ông Trương Văn L không liên quan đến việc mua bán chiếc xe này. Tôi yêu cầu bà T1 phải trả lại chiếc xe trên cho anh Hùng, anh Phong và bà P1 và hợp thức hóa thủ tục mua bán xe cho ông H.

- Theo đơn xin vắng mặt đại diện Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trình bày: Vào ngày 05/3/2012 vợ chồng khách hàng Trần Thị Thúy T1 và ông Trương Văn L có ký hợp đồng tín dụng số 02-03/12/HĐTD/TH-TN/TCB-DAK với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để vay số tiền 1.500.000.000 đồng với thời hạn vay là 36 tháng, tài sản bảo đảm của khoản vay là 01 chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu THACO HUYNHDAI, biển kiểm soát 47B-033.77 (tài sản hình thành từ vốn vay). Tuy nhiên, đến ngày 09/3/2015 vợ chồng khách hàng Trần Thị Thúy T1 đã tất toán toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng Techcombank và Ngân hàng cũng đã bàn giao lại toàn bộ hồ sơ tài sản bảo đảm cho vợ chồng khách hàng. Đối với tranh chấp liên đới với chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu THACO HUYNHDAI, biển kiểm soát 47B-033.77 giữa ông P, ông H, bà P1 với bà Trần Thị Thúy T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và chứng cứ tài liệu do các bên cung cấp thể hiện chiếc xe ô tô khách loại 02 chỗ, 40 giường nằm nhãn hiệu THACO HUYNHDAI, biển kiểm soát 47B-033.77 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Trần Thị Thúy T1, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh chiếc xe ô tô trên là của ông Lê Phi H, ông Trần Hoài P và bà Trần Thị Bích P1. Vì vậy, đồng nguyên đơn khởi kiện cho rằng bà Trần Thị Thúy T1 chỉ đứng tên giùm chiếc xe, đồng thời yêu cầu bà Trần Thị Thúy T1 và ông Trương Văn L làm thủ tục chuyển quyền sở hữu chiếc xe trên cho ông Lê Phi H, ông Trần Hoài P và bà Trần Thị Bích P1 là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với giấy bán, cho, tặng xe được xác lập vào ngày 21/01/2020 giữa bà Trần Thị Thúy T1 và ông Lê Phi H về việc mua bán đối với chiếc xe biển kiểm soát 47B-033.77 là xâm phạm đến quyền lợi của ông L, ngoài ra bản thân nguyên đơn cũng xác nhận không có giao dịch mua bán xe trên thực tế, bản thân bà T1 cũng đang chịu nghĩa vụ thi hành án đối với nhiều người. Do đó, việc các bên lập giấy bán, cho, tặng xe được xác lập vào ngày 21/01/2020 giữa bà Trần Thị Thúy T1 và ông Lê Phi H là nhằm để hợp thức hóa thủ tục và cố tình tẩu tán tài sản để

trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trương Văn L là hủy giấy bán cho tặng xe được xác lập vào ngày 21/01/2020 giữa bà Trần Thị Thúy T1 và ông Lê Phi H.

Từ những nhận định trên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Lê Phi H, ông Trần Hoài P, bà Trần Thị Bích P1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trương Văn L và hủy giấy bán, cho, tặng xe được xác lập vào ngày 21/01/2020 giữa bà Trần Thị Thúy T1 và ông Lê Phi H.

Tại bản án số 72/2022/DS-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 158, Điều 159, Điều 160, Điều 163, Điều 166, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Lê Phi H, ông Trần Hoài P và bà Trần Thị Bích P1 về việc yêu cầu bà Trần Thị Thúy T1 và ông Trần Văn L phải tiếp tục thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu đối với chiếc xe ô tô khách 02 chỗ ngồi, 40 giường nằm nhãn hiệu THACO HUYNHDAI, biển kiểm soát 47B-033.77 theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 013762 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/02/2012 mang tên bà Trần Thị Thúy T1.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu độc lập của ông Trương Văn L.

Hủy giấy bán cho tặng xe ngày 21/01/2020 được xác lập giữa bà Trần Thị Thúy T1 và ông Lê Phi H.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

- Trong thời hạn luật định, ông Châu Đình T – Là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ Bản án. Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Châu Đình T – Là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, giữ nguyên bản án 72/2022/DS-ST ngày

15/6/2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Châu Đình T, thấy rằng:

Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận hiện nay bà T1 đang là người quản lý và đứng tên sở hữu chiếc xe ô tô khách biển kiểm soát 47B-033.77. Quá trình giải quyết vụ án bà T1 và ông L đều cùng xác định chiếc xe trên là do một phần vay ngân hàng để mua, đồng thời phía Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt nam cũng xác nhận xe ô tô trên là do vợ chồng bà T1 và ông L vay tiền Ngân hàng để mua, ông L và bà T1 là người đứng ra tất toán để trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, cho rằng chiếc xe này đều do ông H, ông P, bà P1 cùng bà T1 mua và thanh toán tiền một lần nhưng đều không cung cấp được chứng cứ.

Đối với việc thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm, đại diện nguyên đơn đề nghị Tòa án thu thập hợp đồng mua bán xe. Tại cấp phúc thẩm đã tiến hành làm việc với Showroom Thành Trung (Công ty cổ phần Thành Trung) là nơi bán chiếc xe nói trên, Đại diện showroom có cung cấp bản Hợp đồng mua bán xe ô tô và hóa đơn giá trị gia tăng (xác nhận photo từ bản gốc) thể hiện người mua hàng đối với chiếc xe ô tô nói trên là bà T1. Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng sau khi mua chiếc xe ông H, ông P, bà P1 là người làm thủ tục để đưa chiếc xe vào kinh doanh Hợp tác xã tuy nhiên không cung cấp được tài liệu chứng cứ, qua hồ sơ chứng của Hợp tác xã vận tải hành khách C cũng đều thể hiện bà T1 là người đứng ra ký toàn bộ thủ tục góp vốn đối với Hợp tác xã C.

Như vậy, quá trình làm việc nguyên đơn cho rằng tất cả các thủ tục đối với chiếc xe là do nguyên đơn thực hiện là mâu thuẫn và không có căn cứ, tài liệu chứng minh chiếc xe trên là của đồng nguyên đơn và cũng không có giấy tờ gì xác nhận là nhờ bà T1 đứng tên giữ chiếc xe ô tô trên. Đối với việc nguyên đơn cho rằng người quản lý và sử dụng chiếc xe, đồng thời thuê tài xế lái xe do phía nguyên đơn trả tiền, bà T1 không có mục đích mua xe, tuy nhiên nguyên đơn không có giấy tờ hay hợp đồng lao động giữa tài xế và đồng nguyên đơn để thể hiện họ là người khai thác chiếc xe, mặt khác bị đơn không thừa nhận do phía nguyên đơn quản lý.

Đối với giấy bán, cho, tặng xe được xác lập vào ngày 21/01/2020 giữa bà Trần Thị Thúy T1 và ông Lê Phi H: Mặc dù giữa bà T1 và ông H có xác nhận là có hợp đồng bán cho tặng xe tuy nhiên không được công chứng chứng thực theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, đối tài sản này là chiếc xe ô tô biển số 47B – 00377, ô tô khách 40 là tài sản trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T1, ông L, khi thực hiện việc mua bán các bên không đưa ông L vào tham gia là xâm phạm trực tiếp đến quyền của ông L đối với chiếc xe này. Đối với nội dung của hợp đồng các bên thể hiện giấy mua bán xe tuy nhiên các bên không ghi giá trị chiếc xe trong hợp đồng, bản thân bà T1, ông L xác nhận cũng chưa nhận khoản tiền nào từ việc mua bán xe với ông H, việc ký kết giấy bán cho tặng xe ngày 21/01/2020 ông đều không biết, không đồng ý bán chiếc xe trên.

[3] Từ những nhận định, phân tích [1], [2] nêu trên, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Lê Phi H, ông Trần Hoài P và bà Trần Thị Bích P1, mà chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của ông Trương Văn L là có cơ sở. Do vậy, xét kháng cáo của ông Châu Đình T về việc hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí DSPT: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Hoài P, ông Lê Phi H, bà Trần Thị Bích P1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Châu Đình T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk .

Áp dụng Điều 158, Điều 159, Điều 160, Điều 163, Điều 166, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Lê Phi H, ông Trần Hoài P và bà Trần Thị Bích P1 về việc yêu cầu bà Trần Thị Thúy T1 và ông Trần Văn L phải tiếp tục thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu đối với chiếc xe ô tô khách 02 chỗ ngồi, 40 giường nằm nhãn hiệu THACO HUYNHDAI, biển kiểm soát 47B-033.77 theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 013762 do Phòng

Cảnh sát Giao thông – Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/02/2012 mang tên bà Trần Thị Thúy T1.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu độc lập của ông Trương Văn L.

Hủy giấy bán cho tặng xe ngày 21/01/2020 được xác lập giữa bà Trần Thị Thúy T1 và ông Lê Phi H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Văn L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà Trần Thị Thúy T1 đã nộp thay ông Trương Văn L theo biên lai số 60AA/2021/0004130 ngày 28/5/2021 tại chi cục Thi hành án thành phố Buôn Ma Thuột.

- Bị đơn bà Trần Thị Thúy T1 và nguyên đơn ông Lê Phi H mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Lê Phi H, ông Trần Hoài P và bà Trần Thị Bích P1 phải chịu 10.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và được khấu số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2019/0005130 ngày 24/10/2019 tại chi cục Thi hành án TP B .

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hoài P, ông Lê Phi H, bà Trần Thị Bích P1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà Nguyễn Thị B đã nộp thay theo các biên lai thu số 0019889, 0019890, 0019891 cùng ngày 15/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B , tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B ;
- Đăng Công TTĐT TANDTC
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Duy Phương

